

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK3+P6	7:25	16+0+6	0+0+0		7+3+12	0+0+0	
2		P8+P3+P4	7:25	15+0+7	0+0+0		12+2+8	0+0+0	chuyen 1 P3-P4
3		PVD1+CLO+TD5	7:25	14+4+3	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 2 clo-td5
4		AMD	7:25	22	0		22	0	
5		VSP01+CTK3	9:25	21+1	0+0		22+1	0+0	
6		P6+TTC1	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
7		MRM+TD2	9:25	18+1	0+0		20+2	0+0	
8		P10+BK21+PVD1	9:25	4+3+15	0+0+0		0+4+16	0+0+0	chuyen 1 bk21-pvd1
9		AMD+BK10+PPD	11:25	15+0+0	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
10		P4+P8	11:25	3+14	0+0		2+20	0+0	
11		VSP01+TTC2+BK19	11:25	9+8+5	0+0+0		6+9+7	0+0+0	
12		T.UNG	11:25	17	0		19	0	

TTDDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2022	TO: TD5 - BK3 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: MTHAO - Nam - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5					86	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN HIEN	TD5	73	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN DUY DUC	TD5	76-77	2	10		79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
5	VU XUAN ANH	TD5	53	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH HUNG	TD5	778	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEN	TD5	47	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
8	LAM VAN HANH	TD5	24	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	MAI DAI HAI	TD5	54	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	72	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	TD5	49-50	2	25		86	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG TRUNG KIEN	TD5	78	1	11		59	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN SY TUAN	TD5	48	1	14		71	DVL	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUY	TD5	74-75	2	19		91	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN DUC PHUNG	TD5	51-52	2	20		66	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LOI	TD5	44.46	1	16		62	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUY	P6	35	1	10	30	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE DUC THANG	P6	30	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	DINH HOAI NAM	P6	34	1	16		90	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TUAN	P6	31	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI M. KHANH CUONG	P6	33	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN DOA	P6	32	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	18	156	1.164	0	7		
2	BK3	0	0	0	0	0	3		
3	P6	6	6	53	444	30	12		
TOTAL		22	24	209	1.608	30	22		
WEIGHT KG				209	1.608	30			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2022	TO: P8 - P3 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	P8	09	1	3		67	NAM TIEN	Vietnamese
2	VŨ VĂN TOÀN	P8					73	D-HANH	Vietnamese
3	ĐINH QUANG TRUNG	P8	04	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P8	07	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P8					60	NIPI	Vietnamese
6	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P8	06	1	5		73	NIPI	Vietnamese
7	HUYNH CHANH PHAT	P8	56	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	08	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	P8	11	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HẬU	P8	05	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH TRÍ	P8	1010,60	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HIEN	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	59	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH VINH	P8	57	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	58	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	37-38	2	9		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P4	48-49	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VĂN HỒNG	P4	45-46	2	15	110	99	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HAI	P4	44	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUỜNG	P4	39-40	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P4	41-42	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN SĨ HAI	P4	43	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	15	13	63	1.043	0	12		CHUYEN 01 PAX TU P3 SANG P4
2	P3	0	0	0	0	32	2 + 1		
3	P4	7	12	95	473	110	8		
TOTAL		22	25	158	1.516	142	22		
WEIGHT KG				158	1.516	142			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: PVD1 - CLO - TD5	CREW: KHOÀN - VThắng - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN TƯỚC	PVD1	11	1	7		70	NHATHAU	Vietnamese
2	ĐOÀI DUY DUƠNG	PVD1	13	1	15		72	NHATHAU	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD1	14	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN THUẬN VŨ	PVD1	09	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	PVD1	14	1	12	20	72	CODIEN	Vietnamese
6	BUI ĐỨC HẠU	PVD1	15-16	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
7	NGO SY THUẬN	PVD1	05	1	10		65	NHATHAU	Vietnamese
8	NGO THANH ĐOÀN	PVD1	07	1	5		55	NHATHAU	Vietnamese
9	HOANG HUU BINH	PVD1	08	1	9		75	NHATHAU	Vietnamese
10	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD1	03	1	7		62	NHATHAU	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THỨC	PVD1	12	1	5		85	NHATHAU	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	06	1	5		65	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	04	1	7		65	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HƯƠNG	PVD1	10	1	4		65	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN DUƠNG	CLO	97	1	15		80	DVL	Vietnamese
16	VŨ HAI THẮNG	CLO	98	1	13		75	DVL	Vietnamese
17	LY NHẬT TRƯỞNG	CLO	99	1	12		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC SON	CLO	100	1	15		65	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TUYỆT	TD5	500	1	15		65	DVL	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	78-79	2	7	50	75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÙNG	TD5	77	1	9		70	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	14	15	120	974	20	14		CHUYEN 02 PAX TU CLO SANG TD5
2	CLO	4	4	55	295	0	0	2	
3	TD5	3	4	31	210	50	8		
TOTAL		21	23	206	1.479	70	22		
WEIGHT KG				206	1.479	70			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

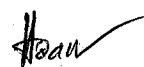
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	TO: AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPhú - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	AMD	01	1	3		72	PSV	Vietnamese
2	TRAN DAI NGHIA	AMD	13	1	6		69	HLJOC	Vietnamese
3	TRAN NAM TRUNG	AMD	04	1	8		74	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN AN	AMD	40	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH KHA	AMD	99	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG THE HIEN	AMD	12	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	02	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN LAM	AMD	92	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	14	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	97	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	03	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	06	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM XUAN DUONG	AMD	10-11	2	10		58	PVCHEM/H	Vietnamese
15	NGUYỄN HIEN PHONG	AMD	09	1	10		58	VPI/HL	Vietnamese
16	LÊ HỒNG THAI	AMD	08	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	07	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRẦN LIÊM	AMD	95	1	5	120	62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	15	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	98	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	93-94	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC THƯ	AMD	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

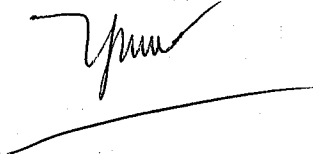
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	24	146	1.503	120	22		
	TOTAL	22	24	146	1.503	120	22		
	WEIGHT KG			146	1.503	120			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: VSP01 - CTK3	CREW: MTHAO - Nam - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKO Y.	VSP01	92	1	10		91	KH-THAC	Russian
2	CHERNYSHEV V.	VSP01	91	1	10		110	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	25-26	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN BAC	VSP01	24	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	95	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TOAN	VSP01	28	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MIT	VSP01	200	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH VAN THON	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	97-98	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG NGAN	VSP01	94	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN DUY BINH	VSP01	23	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THONG	VSP01	96	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HUY BINH	VSP01	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VIET DANG	VSP01	22	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC BE	VSP01	27	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN ANH TUAN	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN XUAN THUY	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HUU HA	VSP01	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN NGOC BINH	CTK3	30	1	10	50	70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	17	101	1.593	0	22		GHE PHU
2	CTK3	1	1	10	70	50	1		
TOTAL		22	18	111	1.663	50	23		
WEIGHT KG				111	1.663	50			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	TO: P6 - TTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - thông	ETA: 11:30
TRANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHÚ	P6	53	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HÙNG TUẤN	P6					69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	54	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN CÚ	P6				60	57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	51	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC AN	P6	58-59	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P6	55	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO MINH HOÀNG	P6	48	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THÔNG	P6	56-57	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THÌN	P6	49	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG	P6	60-61	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CẢNH HIỀN	P6	63	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P6	64	1	8		67	GETRACO	Vietnamese
14	TÔ CÔNG TẠNH	P6	52	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	P6	62	1	7		73	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN VINH QUANG	P6	50	1	5		68	YTE	Vietnamese
17	VŨ THANH ĐỎ	TTC1	80	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	12	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	11	1	5	50	90	KH-THAC	Vietnamese
20	VĂN MINH TÂN	TTC1	78-79	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐỨC DŨNG	TTC1	77	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	TTC1	81	1	12		57	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

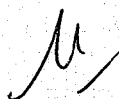
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	16	17	95	1.088	60	14		
2	TTC1	6	7	51	422	50	8		
TOTAL		22	24	146	1.510	110	22		
WEIGHT KG				146	1.510	110			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	TO: MRM - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO K.P	MRM	35	1	12		75	KHOAN	Russian
2	USMANOV ALBERT	MRM	43-44	2	16		120	NHATHAU	Russian
3	BUI VAN DUNG	MRM	38	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG SON	MRM	39	1	6		71	DVL	Vietnamese
5	TRẦN ĐẠI HUNG	MRM	41	1	8		75	DVL	Vietnamese
6	MAI HUY TU	MRM	59	1	10		60	DVL	Vietnamese
7	KULIK VIACHESLAV	MRM	58	1	13		71	NHATHAU	Russian
8	SUVOROV IURII	MRM	60,63	2	18		125	NHATHAU	Russian
9	TROIANOV DMITRII	MRM	53-54	2	18	27	85	NHATHAU	Russian
10	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	49-50	2	17		86	NHATHAU	Russian
11	NABOKOV ANDREY	MRM	45-46	2	12		75	NHATHAU	Russian
12	KURSHEV SERGEI	MRM	55	1	15		76	NHATHAU	Russian
13	PIMAKIN OLEG	MRM	42	1	9		110	NHATHAU	Russian
14	SHAKIN MIKHAIL	MRM	47-48	2	9		90	NHATHAU	Russian
15	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	56-57	2	18		76	NHATHAU	Russian
16	ZAITSSEV DMITRII	MRM	51-52	2	17		86	NHATHAU	Russian
17	LE TON VU	MRM	40	1	10		73	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN HONG MINH	MRM	36-37	2	15		75	NHATHAU	Vietnamese
19	VU TUAN ANH	TD2	70	1	3		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	27	233	1.504	27	20		
2	TD2	1	1	3	70	0	2		
TOTAL		19	28	236	1.574	27	22		
WEIGHT KG				236	1.574	27			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: P10 - BK21 - PVD1	CREW: TUYỀN - NPhú - Toan	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU BA XO	P10	22-23	2	14		81	DVL	Vietnamese
2	ALEXSANDER KRAVSOV	P10	17	1	13		75	DVL	Russian
3	PHAM HAI LONG	P10	20	1	10	11	75	DVL	Vietnamese
4	VÔ CHÍ THANH	P10	18-19	2	15		81	DVL	Vietnamese
5	BACH ANH TUAN	BK21	38	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG XUAN THAI	BK21	39-40	2	18	30	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN SANG	BK21	37	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TRI	PVD1	34	1	8		72	NHATHAU	Vietnamese
9	PHAM ANH SON	PVD1	29	1	5		78	NHATHAU	Vietnamese
10	NGUYEN HUU TUNG	PVD1	21	1	5		71	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUNG	PVD1	20	1	9		52	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HUNG	PVD1	26	1	6		78	NHATHAU	Vietnamese
13	VÔ VĂN ĐỊNH	PVD1	30	1	5		75	NHATHAU	Vietnamese
14	NGO VAN TAO	PVD1	33	1	5		61	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG HOA	PVD1	31	1	8		61	NHATHAU	Vietnamese
16	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	35	1	5		73	NHATHAU	Vietnamese
17	VU ĐỨC CĂN	PVD1	24	1	11		79	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC HUY	PVD1	32	1	10		52	NHATHAU	Vietnamese
19	TÀ KIM HAI	PVD1	25	1	7		80	NHATHAU	Vietnamese
20	DUONG VAN SANG	PVD1	27-28	2	12		60	NHATHAU	Vietnamese
21	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	22-23	2	16		70	NHATHAU	Vietnamese
22	TRAN VAN LAI	PVD1	36-37	2	15		63	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	6	52	312	11	0		CHUYEN 01 PAX TU BK21 - PVD1
2	BK21	3	4	31	199	30	4	1	
3	PVD1	15	18	127	1.025	0	17		
TOTAL		22	28	210	1.536	41	21		
WEIGHT KG				210	1.536	41			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: AMD - BK10 - PPD	CREW: Dương - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	35	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	30	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VINH QUANG	AMD	32	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	QUACH SI NGUYEN	AMD	29	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM DUY HUNG	AMD	31	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	34	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	24	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	25-26	2	13		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	27	1	6		67	PSV	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC THIÊN	AMD	36-37	2	13	30	57	XNXL	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH THAI	AMD	22-23	2	15		75	XNXL	Vietnamese
13	PHUNG THẾ TÀI	AMD	33	1	12		65	XNXL	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUÂN	AMD	38-39	2	8		72	XNXL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	18	132	915	30	17		
2	BK10	0	0	0	0	20	3		
3	PPD	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		14	18	132	915	50	22		
WEIGHT KG				132	915	50			

GRAND TOAL: 1.097 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	TO: P4 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - THỤ	ETA: 13:15
VANG - 3			

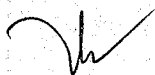
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU CHUNG	P4	29	1	15	20	87	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HOANG	P4	30-31	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ĐANG HIEU	P4	27-28	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN VU	P8	25	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU DUNG	P8	18	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TIEN	P8	19	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HÔ CHÊ LINH	P8	21	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUỐC HUY	P8	12	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG TIEN	P8	14	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN QUANG	P8	20	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÂN	P8	26	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LỢI	P8	16-17	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH HOANG	P8	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TRUNG	P8	13	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU SY	P8	22-23	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN NHAN	P8	27	1	5		70	YTE	Vietnamese
17	HA VAN NIEM	P8	15	1	6		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	5	45	210	20	2		
2	P8	14	16	88	974	0	20		
TOTAL		17	21	133	1.184	20	22		
WEIGHT KG				133	1.184	20			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2022	TO: VSP01 - TTC2 - BK19	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - N.ANH - DTùng	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	VSP01	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	38	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUY THONG	VSP01	32	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN TRUONG	VSP01	37	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BA NGOC	VSP01	31	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH THANG	VSP01	29	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ROGINSKIY DMITRY	VSP01	33	1	10		100	ANTOAN	Russian
9	DO TRONG HAI	VSP01	34-35	2	12		78	YTE	Vietnamese
10	HOANG QUOC BAO	TTC2					64	KH-THAC	Vietnamese
11	TA MANH HUNG	TTC2					66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN THUC	TTC2	13	1	7	13	52	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	11-12	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN VIET DONG	TTC2	08	1	11	43	75	CODIEN	Vietnamese
15	DUONG HUU THUAN	TTC2	09	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
16	PHAM NGOC PHUONG	TTC2	10	1	12	43	72	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	07	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	LE TUAN ANH	BK19	46	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG PHAT	BK19	48	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
20	VO NGOC THAI SON	BK19	43	1	14	27	73	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ANH	BK19	44	1	10	6	62	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN VAN THUONG	BK19	47	1	9		45	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	9	10	54	628	0	6		
2	TTC2	8	7	51	542	99	9		
3	BK19	5	5	54	321	33	7		
TOTAL		22	22	159	1.491	132	22		
WEIGHT KG				159	1.491	132			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

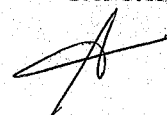
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Xin chữ ký Pilot



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2022	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:15
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: MTiến - LTuấn	ETA: 14:25
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TUÂN	T.UNG	434	1	10		80	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG	27	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	30	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	41	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	40	1	5	60	65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	33	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG HOANG ANH	T.UNG	32	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	28	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	38	1			60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	34	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH TUÂN	T.UNG	29	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH DƯƠNG	T.UNG	43	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC ANH	T.UNG	26	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	31	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	16	119	1.164	60	19		
TOTAL		17	16	119	1.164	60	19		
WEIGHT KG				119	1.164	60			

GRAND TOAL: 1.343 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN